

Bản án số: 15/2026/DS-ST.

Ngày: 26-01-2026

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng  
cầm cố tài sản và đòi tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Bửu Khánh

Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Thị Xà Ly - Kiểm sát viên.

Trong 24 tháng 12 năm 2025 và ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2025/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 11 năm 2025.

*Nguyên đơn:* Công ty cổ phần SWTCN

Địa chỉ: Đường ND, phường TV, tỉnh NA

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Kanokwatpaisal N – Chức vụ: Giám đốc

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1994 – Chức vụ: Nhân viên (theo văn bản ủy quyền số 02/2025/UQ-SVN, ngày 03/01/2025 (có mặt).

*Bị đơn:* Bà Lê Ngọc G, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp HT, xã TH, tỉnh AG).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Anh Võ Nguyễn Thanh H người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần SWTCN trình bày: Vào ngày 09/7/2024, bà Lê Ngọc G đến chi nhánh công ty tại Vị Thanh 2 để ký hợp đồng cầm cố tài sản số: NRM240701006NA17X có 01 xe máy mang biển kiểm soát 68G1-465.64; loại xe: Yamaha - Janus; màu đen; số khung: RLCSEC810GY002388; số máy: E3X8E002389; số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 026022 do Công an huyện

Giồng Riềng ngày 05/6/2017. Để lấy số tiền 10.372.340 đồng; thời hạn cố là 12 tháng (từ ngày 09/7/2024 đến ngày 09/7/2025) với lãi suất là 1,1%/tháng; phương thức trả gốc lãi hàng tháng. Sau khi ký kết hợp đồng cố tài sản và Công ty đã giải ngân cho bà G. Do có nhu cầu cần xe đi lại nên công ty có ký giấy với bà G cho mượn lại xe sử dụng. Trong giấy cho mượn xe có ghi rõ thời hạn mượn xe từ ngày 09/7/2024 đến ngày 09/8/2025) địa điểm trả xe là tại chi nhánh Vị Thanh 2. Bà G đã ký cam kết trả xe theo thỏa thuận. Quá trình trả nợ, bà Lê Ngọc G chưa thanh toán đúng như cam kết của hợp đồng, hiện tại khoản nợ đã quá hạn cũng như không thực hiện cam kết trả lại xe theo thỏa thuận, Công ty đã nhiều lần nhắc nợ nhưng bà G vẫn không thực hiện. Nay công ty xét thấy bà G đã vi phạm hợp đồng nên Công ty khởi kiện. Buộc bà Lê Ngọc G phải trả số tiền gốc là 9.084.664 đồng; lãi là 184.132 đồng; phí 1.450.917 đồng và phải chịu lãi suất, phí theo hợp đồng đã ký kết theo hợp đồng từ ngày 09/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ. Trường hợp bà Lê Ngọc G không thanh toán được số tiền trên yêu cầu bà G phải trả lại chiếc xe máy 68G1-465.64; Loại xe YAMAHA- Janus, số khung: RLCEC810GY002388, số máy: E3X8E002389, theo hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đăng ký với Chi nhánh Vị Thanh 2 – Công ty cổ phần SWTCN số NRM240701006NA17X ngày 09/7/2024.

*Bị đơn bà Lê Ngọc G vắng mặt suốt trong quá tố tụng, không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa ngày 24/12/2025, anh Võ Nguyễn Thanh H đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu bà G trả số tiền gốc là 8.931.362 đồng; lãi trong hạn là 1.080.695 đồng. Xin rút lại một phần đơn khởi kiện đối với lãi quá hạn; phí mượn xe và yêu cầu trả lại xe.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 –An Giang

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn đã vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đề nghị căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đình chỉ một phần yêu cầu do đại diện nguyên đơn đã rút.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị buộc bà Lê Ngọc G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Công ty cổ phần SWTCN khởi kiện bà Lê Ngọc G về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả tiền cầm cố tài sản theo hợp đồng đã ký kết nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bà G có địa chỉ cư trú tại ấp Hòa Tân, xã Hòa Hưng, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang. Trong quá trình tố tụng bị đơn vắng mặt Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản thủ tục tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Ngọc G.

[2] Về nội dung vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần SWTCN yêu cầu bà Lê Ngọc G phải trả số tiền cầm cố tài sản theo hợp đồng NRM240701006NA17X có 01 xe máy mang biển kiểm soát 68G1-465.64; loại xe: Yamaha; màu đen; số khung: RLCSEC810GY002388; số máy: E3X8E002389; số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 026022 do Công an huyện Giồng Riềng ngày 05/6/2017, tiền nợ gốc tạm tính đến ngày 23/12/2025 còn nợ là 8.931.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng cầm cố do các bên ký kết được xác lập trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật. Trong quá trình cầm cố tài sản đã đến hạn thanh toán nhưng bà G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc như cam kết. Phía Công ty cổ phần SWTCN đã thông báo nhắc nhở cho bà G nhưng bà G cố tình tránh né, không hợp tác và cắt liên lạc với công ty. Quá trình Toà án thụ lý vụ án đến ngày mở phiên Tòa xét xử, bà G không có giao nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần SWTCN và tài liệu chứng cứ chứng minh cho bà G, nên xem như bà G từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình thông qua không đến Toà án. Nên Toà án không có căn cứ để xem xét. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Đương sự phản đối yêu cầu*

*của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó".* Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trả lại nợ gốc của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về lãi suất: Tại hợp đồng cầm cố tài sản các bên đã ký kết thống nhất lãi suất là 1,1%/tháng, với mức lãi suất theo hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập không vượt với quy định của pháp. Theo hợp đồng bà G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi từ ngày 09 tháng 9 năm 2024 đến ngày 23/12/2025 với khoản lãi trong hạn phát sinh theo hợp đồng với số tiền là 1.080.695 đồng. Việc yêu cầu tính lãi suất của Công ty cổ phần SWTCN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện này của Công ty cổ phần SWTCN.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà G còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu về lãi quá hạn và phí mượn xe cũng như đòi lại 01 xe máy mang biển kiểm soát 68G1-465.64; loại xe: Yamaha; màu đen; số khung: RLCSEC810GY002388; số máy: E3X8E002389; số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 026022 do Công an huyện Giồng Riềng ngày 05/6/2017, do đại diện nguyên đơn đã rút yêu cầu.

[3] Về án phí; Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của Công ty cổ phần SWTCN được chấp nhận nên buộc bà Lê Ngọc G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải trả là  $10.012.057 \text{ đồng} \times 5\% = 500.602 \text{ đồng}$  (năm trăm nghìn sáu trăm lẻ hai đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần SWTCN tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009143 ngày 14/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng( nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- An Giang).

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11; Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần SWTCN đối với bà Lê Ngọc G.

Buộc bà Lê Ngọc G giao trả số tiền cầm cố tài sản đã nhận gồm vốn gốc, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 23/12/2025 là 10.012.057 đồng (mười triệu không trăm mười hai nghìn không trăm năm mươi bảy đồng) Trong đó: Vốn gốc là 8.931.362 đồng (tám triệu chín trăm ba mươi một nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng), khoản lãi trong hạn phát sinh theo hợp đồng là 1.080.695 đồng (một triệu không trăm tám chục nghìn sáu trăm chín mươi năm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 23/12/2025, bà G còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận đã được ký kết theo hợp đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần SWTCN về việc buộc bà Lê Ngọc G giao lại chiếc xe máy đã cầm cố 01 xe máy mang biển kiểm soát 68G1-465.64; loại xe: Yamaha; màu đen; số khung: RLCSEC810GY002388; số máy: E3X8E002389; số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 026022 do Công an huyện Giồng Riềng ngày 05/6/2017, lãi quá hạn là 820.346 đồng và phí 1.450.917 đồng, do đại diện nguyên đơn đã rút yêu cầu.

2. Về án phí:

Bà Lê Ngọc G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 500.602 đồng (năm trăm nghìn sáu trăm lẻ hai đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần SWTCN tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, do Nguyễn Thị Toàn nộp thay theo biên lai thu tiền số 0009143 ngày 14/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- An Giang).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND KV5 –AG;
- THADS tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Mỹ Nhiên**

